

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Minh M1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M2, xã T2, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, chị và anh Trần Minh M1 tổ chức lễ cưới năm 2019, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện B1, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M1 không chí thú làm ăn tạo lập kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè tổ chức uống bia, rượu. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh M1 nhưng không đạt kết quả, dẫn đến vợ chồng cự cãi, mất hạnh phúc. Nên chị và anh M1 sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay không trở

về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh M1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh M1 có với nhau 02 con chung, cháu Trần Minh P, sinh ngày 02/01/2020 hiện anh M1 đang nuôi dưỡng, cháu Trần Khánh B2 sinh ngày 12/5/2021 hiện chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B2, không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng cho cháu B2; đồng ý giao cháu P cho anh M1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho cháu P.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 7 năm 2023, bị đơn anh Trần Minh M1 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của chị T1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chung của vợ chồng. Mâu thuẫn diễn ra từ tháng 06/2022, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không điều hòa được, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay không trở về đoàn tụ. Theo yêu cầu khởi kiện, anh có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho cháu P; đồng ý giao cháu B2 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho cháu B2.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị T1 và anh M1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định, giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1, anh M1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt chị T1 và anh M1 theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị T1 tại đơn khởi kiện và lời trình bày của anh M1 tại bản tự khai trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử đã thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T1 với anh M1.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị T1, ý kiến đề nghị của anh M1, Tòa án giải quyết giao cháu P cho anh M1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh M1 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho cháu P; giao cháu B2 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng cho cháu B2; chị T1, anh M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, chấp nhận ý kiến đề nghị của anh M1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét chị T1 và anh M1 thuận tình ly hôn như nhận định, giải quyết tại mốc đơn [1] “*Về nội dung*”. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị T1, anh M1 mỗi người phải chịu một nửa án phí thuận tình ly hôn. Theo đó:

[1] Chị T1 phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp nên hoàn trả cho chị T1 được nhận lại số tiền 225.000 đồng.

[2] Anh M1 phải nộp án phí số tiền 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T1 với anh Trần Minh M1.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Trần Minh P, sinh ngày 02 tháng 01 năm 2020 cho anh Trần Minh M1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh M1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều T1 cấp dưỡng cho cháu P.

2.2. Giao cháu Trần Khánh B2, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Kiều T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị T1 không yêu cầu anh Trần Minh M1 cấp dưỡng cho cháu B2.

2.3. Chị Nguyễn Thị Kiều T1, anh Trần Minh M1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T1 phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo biên lai thu số N_o 0011375 ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Nên hoàn trả cho chị T1 được nhận lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4.2. Buộc anh Trần Minh M1 phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Vắng mặt chị Nguyễn Thị Kiều T1, anh Trần Minh M1. Báo cho chị T1, anh M1 biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T2: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

(Đã ký)

Cao Minh Tân